

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ 3 NĂM 2020**



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2020	01 - 02
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 09 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 09 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 09 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020	05 – 20
5. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	21

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.015.590.125.640</b>	<b>1.245.763.458.299</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>177.322.710.614</b>	<b>109.639.410.844</b>
111	1. Tiền		147.322.710.614	109.639.410.844
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>227.890.428.261</b>	<b>393.638.260.703</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	92.746.158.619	209.411.208.391
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		16.089.458.307	2.301.417.502
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	120.072.100.830	182.942.924.305
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(1.017.289.495)	(1.017.289.495)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.5	<b>599.816.592.836</b>	<b>720.877.933.126</b>
141	1. Hàng tồn kho		601.570.014.160	722.209.656.477
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.753.421.324)	(1.331.723.351)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.560.393.929</b>	<b>21.607.853.626</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	4.172.849.713	4.512.504.939
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.126.679.823	16.799.217.840
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	260.864.393	296.130.847
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>324.919.959.257</b>	<b>386.437.936.091</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>4.673.811.521</b>	<b>5.257.672.058</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		4.557.393.901	5.235.672.058
216	3. Phải thu dài hạn khác		116.417.620	22.000.000
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>270.903.781.347</b>	<b>333.464.515.817</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	257.962.120.093	319.770.515.880
222	- Nguyên giá		357.681.363.145	407.311.826.048
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(99.719.243.052)	(87.541.310.168)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	12.941.661.254	13.693.999.937
228	- Nguyên giá		17.640.696.169	17.640.696.169
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.699.034.915)	(3.946.696.232)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>6.589.285.715</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.589.285.715	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>42.753.080.674</b>	<b>47.715.748.216</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	4.639.649.157	4.617.912.842
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		380.250.469	648.006.695
269	3. Lợi thế thương mại	V.9	37.733.181.048	42.449.828.679
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.340.510.084.898</b>	<b>1.632.201.394.390</b>

2020  
 NG  
 PH  
 VỤ  
 (G X)  
 T.F

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

*Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>868.090.587.695</b>	<b>1.166.635.139.173</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>863.533.522.549</b>	<b>1.162.606.406.640</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	48.952.690.032	110.583.016.784
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	136.881.969.295	84.923.347.924
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	16.546.309.797	2.873.832.008
314	4. Phải trả người lao động		11.221.868.333	8.100.409.155
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		8.086.933.287	2.580.048.957
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		159.090.909	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		6.332.900.890	5.312.156.685
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	635.351.760.006	948.233.595.127
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.557.065.146</b>	<b>4.028.732.533</b>
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		4.557.065.146	4.028.732.533
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>472.419.497.203</b>	<b>465.566.255.217</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.14	<b>472.419.497.203</b>	<b>465.566.255.217</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		367.443.990.000	367.443.990.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		367.443.990.000	367.443.990.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(30.000.000)	(30.000.000)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.234.667.764)	(2.234.667.764)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		103.835.976.721	95.961.582.414
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		41.053.343.180	44.921.038.132
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		62.782.633.541	51.040.544.282
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		3.404.198.246	4.425.350.567
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.340.510.084.898</b>	<b>1.632.201.394.390</b>

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2020.*

Người lập biểu



**TRẦN KHÔI NGUYÊN**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ THANH HẰNG**



Tổng Giám Đốc



**ĐỖ TIẾN DŨNG**

120-C  
Y  
N  
TÔ  
NH  
HỒ CHÍ MINH

**KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 09 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3 năm			Lũy kế 9 tháng đầu năm	
			2020	2019	2019	2020	2019
1	2	3	3	4	5	6	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.741.335.028.270	1.325.268.523.282	3.750.841.861.955	3.635.825.791.310	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu						
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.2	1.741.335.028.270	1.325.268.523.282	3.750.841.861.955	3.635.825.791.310	
11	4. Giá vốn hàng bán		1.631.536.966.672	1.268.588.156.704	3.547.724.951.187	3.482.761.209.237	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.3	109.798.061.599	56.680.366.579	203.116.910.769	153.064.582.073	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	151.863.210	16.744.900	2.665.072.103	155.018.119	
22	7. Chi phí tài chính		8.663.046.754	15.452.361.905	35.511.562.782	40.301.488.207	
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		8.663.046.754	15.452.361.905	35.511.562.782	40.301.488.207	
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết						
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	31.014.884.156	29.773.917.776	76.760.459.060	85.347.910.722	
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	14.987.746.385	15.394.560.688	39.280.242.854	40.939.526.116	
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		55.284.247.514	(3.923.728.890)	54.229.718.176	(13.369.324.853)	
31	12. Thu nhập khác		9.083.651.074	22.204.081.315	25.925.610.510	69.607.320.956	
32	13. Chi phí khác		5.962.326	31.051.435	132.264.905	276.648.141	
40	14. Lợi nhuận khác		9.077.688.747	22.173.029.880	25.791.345.604	69.330.672.815	
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		64.361.936.261	18.249.300.990	80.021.063.780	55.961.347.962	
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		13.361.448.910	4.554.867.971	16.735.090.579	12.369.428.699	
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(172.280.739)		816.088.838	(76.139.579)	
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		51.172.768.090	13.694.433.019	62.469.884.363	43.668.058.842	
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		51.119.017.502	14.061.676.195	62.782.633.541	43.860.517.088	
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		53.750.588	(367.243.176)	(312.749.178)	(192.458.246)	
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	1.396	397	1.715	1.239	
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	1.396	397	1.715	1.239	

Người lập biểu

Kế toán trưởng





TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2020



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 09 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2020	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2019
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		80.021.063.780	55.961.347.962
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		52.989.039.146	60.804.856.951
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		29.049.047.727	32.051.049.633
03	- Các khoản dự phòng		421.697.973	1.050.591.370
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.917.362.976)	(12.598.272.259)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	35.435.656.422	40.301.488.207
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		133.010.102.926	116.766.204.913
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		177.307.253.676	67.600.845.083
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		120.639.642.317	(108.325.667.268)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		2.304.103.350	(71.468.258.748)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.034.566.542	(209.573.459)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(35.435.656.422)	(40.301.488.207)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.586.669.680)	(16.955.565.512)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.021.152.321)	(467.227.610)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>396.252.190.387</b>	<b>(53.360.730.807)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(284.651.180.883)	(472.389.060.576)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		323.105.690.912	436.061.545.452
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		385.253.975	150.694.273
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>38.839.764.004</b>	<b>(36.176.820.851)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	17.280.000.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(2.234.667.764)
33	3. Tiền thu từ đi vay		3.460.284.699.055	3.894.338.936.550
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(3.773.166.534.176)	(3.804.941.651.756)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(54.526.819.500)	(51.937.819.500)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(367.408.654.621)</b>	<b>52.504.797.530</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>67.683.299.770</b>	<b>(37.032.754.128)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		109.639.410.844	120.804.190.793
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>177.322.710.614</b>	<b>83.771.436.665</b>

Người lập biểu

TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2020



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

*Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

*Cho kỳ kế toán 09 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020*

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)**

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

**Cho kỳ kế toán 09 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán 09 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 02 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

#### **5. Các công ty con được hợp nhất**

Tổng số công ty con: 02 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**Công ty con bao gồm:**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
01	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
02	Công ty CP SX Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.	94,38%	94,38%	94,38%	92,72%	92,72%	92,72%

**6. Số lượng nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 576 nhân viên, tại ngày đầu năm có 585 nhân viên.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)**

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**

chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

## **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## **3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

---

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

#### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

#### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

#### 11. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

*Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020*

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)**

---

#### ***Doanh thu bán hàng hoá: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

#### **15. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

---

#### 16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

#### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**20. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	67.538.276.236	12.914.949.945
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	79.784.434.378	96.724.460.899
- Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>177.322.710.614</u></b>	<b><u>109.639.410.844</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>92.746.158.619</i>	<i>209.411.208.391</i>
- Các khách hàng khác	92.746.158.619	209.411.208.391
<b>Cộng</b>	<b><u>92.746.158.619</u></b>	<b><u>209.411.208.391</u></b>

20012  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ Ô TÔ  
HÀNG XANH  
Số: 1.001

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-	-	-
<i>Phải thu tổ chức, cá nhân khác</i>	120.072.100.830	-	182.942.924.305	-
- Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam	116.451.894.843	-	180.189.753.146	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.620.205.987	-	2.753.171.159	-
<b>Cộng</b>	<b>120.072.100.830</b>	<b>-</b>	<b>182.942.924.305</b>	<b>-</b>

**4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu thương mại</i>				
- Các đối tượng khác	1.060.164.875	42.875.380	1.060.164.875	42.875.380
<b>Cộng</b>	<b>1.060.164.875</b>	<b>42.875.380</b>	<b>1.060.164.875</b>	<b>42.875.380</b>

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	63.923.287.891	(1.753.421.324)	66.773.218.417	(1.331.723.351)
- Công cụ, dụng cụ	358.641.209	-	272.517.737	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.119.186.975	-	18.522.657.888	-
- Hàng hóa	528.168.898.085	-	636.641.262.435	-
<b>Cộng</b>	<b>601.570.014.160</b>	<b>(1.753.421.324)</b>	<b>722.209.656.477</b>	<b>(1.331.723.351)</b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
- Công cụ, dụng cụ	586.775.986		738.085.791	
- Phí bảo hiểm	680.060.527		500.635.498	
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.906.013.200		3.273.783.650	
<b>Cộng</b>	<b>4.172.849.713</b>		<b>4.512.504.939</b>	

**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
- Sửa chữa văn phòng	424.802.554		995.814.552	
- Công cụ, dụng cụ	2.812.543.582		2.223.821.593	
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.402.303.022		1.398.276.697	
<b>Cộng</b>	<b>4.639.649.157</b>		<b>4.617.912.842</b>	





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	93.141.073.367	29.943.226.593	277.064.959.034	4.872.539.482	2.290.027.572	407.311.826.048
Tăng trong kỳ	888.124.832	38.693.874.722	269.615.133.194	66.714.000	-	309.263.846.748
Giảm trong kỳ	(438.165.198)	(117.194.910)	(358.328.505.733)	(10.443.810)	-	(358.894.309.651)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>93.591.033.001</b>	<b>68.519.906.405</b>	<b>188.351.586.495</b>	<b>4.928.809.672</b>	<b>2.290.027.572</b>	<b>357.681.363.145</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	52.747.718.273	19.748.112.762	9.622.341.686	3.555.298.529	1.867.838.918	87.541.310.168
Khấu hao tăng trong kỳ	6.987.548.854	2.407.546.372	18.824.392.620	478.464.574	126.857.182	28.824.809.602
Khấu hao giảm trong kỳ	(438.165.198)	-	(16.198.267.710)	(10.443.810)	-	(16.646.876.718)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>59.297.101.929</b>	<b>22.155.659.134</b>	<b>12.248.466.596</b>	<b>4.023.319.293</b>	<b>1.994.696.100</b>	<b>99.719.243.052</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	40.393.355.094	10.195.113.832	267.442.617.348	1.317.240.953	422.188.654	319.770.515.880
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>34.293.931.071</b>	<b>46.364.247.271</b>	<b>176.103.119.900</b>	<b>905.490.379</b>	<b>295.331.472</b>	<b>257.962.120.093</b>

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	5.994.279.369	17.640.696.169
Mua trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.848.836.800</b>	<b>2.797.580.000</b>	<b>5.994.279.369</b>	<b>17.640.696.169</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	680.744.457	3.265.951.775	3.946.696.232
Khấu hao trong kỳ	-	41.963.697	710.374.986	752.338.683
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>722.708.154</b>	<b>3.976.326.761</b>	<b>4.699.034.915</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.116.835.543	2.728.327.594	13.693.999.937
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.848.836.800</b>	<b>2.074.871.846</b>	<b>2.017.952.608</b>	<b>12.941.661.254</b>

**9. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Công ty CP SX TM DV Ô tô PTM	42.449.828.679	-	(4.716.647.631)	37.733.181.048
- Công ty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.449.828.679</b>	<b>-</b>	<b>(4.716.647.631)</b>	<b>37.733.181.048</b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	48.952.690.032	110.583.016.784
- Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam	39.194.310.049	97.070.668.643
- Các nhà cung cấp khác	9.758.379.983	13.512.348.141
<b>Cộng</b>	<b>48.952.690.032</b>	<b>110.583.016.784</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.509.596.185		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.361.448.910	40.068.876	2.503.692.019	4.465.499
- Thuế thu nhập cá nhân	96.444.491		370.139.989	-
- Thuế nhà đất, thuế đất	578.820.211	220.795.517	-	291.665.348
- Khoản thuế khác	-		-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.546.309.797</b>	<b>260.864.393</b>	<b>2.873.832.008</b>	<b>296.130.847</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ này
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80.021.063.780
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.654.389.115
Thu nhập chịu thuế	83.675.452.895
Thu nhập được miễn thuế	-
Thu nhập tính thuế	83.675.452.895
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>16.735.090.579</b>
<b>Tổng Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>16.735.090.579</b>

**13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

1302  
 CÔNG  
 TY CỔ  
 PHẦN  
 DỊCH  
 VỤ Ô  
 TÔ  
 HÀNG  
 XANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	635.351.760.006	635.351.760.006	948.233.595.127	948.233.595.127
<b>Cộng</b>	<b>635.351.760.006</b>	<b>635.351.760.006</b>	<b>948.233.595.127</b>	<b>948.233.595.127</b>

**14. Vốn chủ sở hữu****14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

**14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	83.528.340.000	22,73%	83.528.340.000	22,73%
- Bà Vũ Thị Hạnh	64.530.960.000	17,56%	54.530.960.000	14,84%
- Các cổ đông khác	219.384.690.000	59,71%	229.384.690.000	62,43%
<b>Cộng</b>	<b>367.443.990.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>367.443.990.000</b>	<b>100,00%</b>

**Tình hình góp vốn điều lệ như sau:**

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ còn phải góp
	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ đã góp	
	367.443.990.000	367.443.990.000	-
<b>Cộng</b>	<b>367.443.990.000</b>	<b>367.443.990.000</b>	<b>-</b>

**14c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	367.443.990.000	350.133.990.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		17.310.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	367.443.990.000	367.443.990.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(54.526.819.500)	(52.318.693.500)

**14d. Cổ phiếu**

1007  
 IG T'  
 PHẢI  
 VỤ Ô  
 XAI  
 T.P.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	36.744.399	36.744.399
- Cổ phiếu phổ thông	36.744.399	36.744.399
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(134.270)	(134.270)
- Cổ phiếu phổ thông	(134.270)	(134.270)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.610.129	36.610.129
- Cổ phiếu phổ thông	36.610.129	36.610.129
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu kinh doanh xe	3.475.004.448.673	3.355.886.838.098
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	268.144.468.986	270.442.222.949
- Doanh thu hoạt động khác	7.692.944.296	9.496.730.263
<b>Cộng</b>	<b><u>3.750.841.861.955</u></b>	<b><u>3.635.825.791.310</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

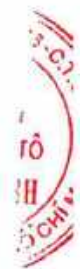
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn kinh doanh xe	3.308.061.337.028	3.241.945.863.540
- Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	235.175.211.285	235.370.194.407
- Giá vốn hoạt động khác	4.488.402.874	5.445.151.290
<b>Cộng</b>	<b><u>3.547.724.951.187</u></b>	<b><u>3.482.761.209.237</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chi tiết	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi từ đầu tư chứng khoán	2.276.432.462	-
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	388.639.641	155.018.119
<b>Cộng</b>	<b><u>2.665.072.103</u></b>	<b><u>155.018.119</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

Chủ yếu là chi phí lãi vay



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	30.494.662.826	30.389.918.955
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.962.580.182	16.790.490.650
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài và bằng tiền khác	30.303.216.052	38.167.501.117
<b>Cộng</b>	<b><u>76.760.459.060</u></b>	<b><u>85.347.910.722</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	20.728.375.250	18.808.218.502
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.229.994.537	5.683.570.297
- Chi phí lợi thế thương mại	4.716.647.631	4.716.647.631
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	8.605.225.436	11.731.089.686
<b>Cộng</b>	<b><u>39.280.242.854</u></b>	<b><u>40.939.526.116</u></b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	16.735.090.579	12.369.428.699
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các Kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành Kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>16.735.090.579</u></b>	<b><u>12.369.428.699</u></b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	62.469.884.363	43.668.058.842
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(312.749.178)	(192.458.246)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	62.782.633.541	43.860.517.088
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	36.610.129	35.412.063
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)</b>	<b><u>1.715</u></b>	<b><u>1.239</u></b>

**9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	62.469.884.363	43.668.058.842
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(312.749.178)	(192.458.246)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	62.782.633.541	43.860.517.088
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	36.610.129	35.412.063
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)</b>	<b><u>1.715</u></b>	<b><u>1.239</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

*Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc)*

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lương và thu nhập khác	3.389.230.769	4.372.580.770
- Cổ tức bằng tiền	23.600.539.500	21.862.136.250

### 3. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ kế toán 09 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

### 4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho kỳ kế toán 09 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu

TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tổng Giám đốc



ĐỖ TIÊN DŨNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT) GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 09 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ (tiếp theo)

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
<b>Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2019</b>							
Tại ngày 01/01/2019	350.133.990.000	-	-	-	99.166.429.262	3.487.894.791	452.788.314.053
Tăng trong kỳ	17.310.000.000	-	(2.234.667.764)	-	51.040.544.282	1.196.598.719	67.312.475.237
- Lãi trong năm	-	-	-	-	51.040.544.282	(369.735.085)	50.670.809.197
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(2.234.667.764)	-	-	-	(2.234.667.764)
- Vốn góp tăng trong năm	17.310.000.000	-	-	-	-	1.566.333.804	18.876.333.804
Giảm trong kỳ	-	(30.000.000)	-	-	(54.245.391.130)	(259.142.943)	(54.534.534.073)
- Chia cổ tức (bằng tiền)	-	-	-	-	(52.318.693.500)	-	(52.318.693.500)
- Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích do công ty con huy động thêm vốn	-	-	-	-	(1.926.697.630)	-	(2.185.840.573)
- Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	(30.000.000)	-	-	-	-	(30.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	-	95.961.582.414	4.425.350.567	465.566.255.217
<b>Cho kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2020</b>							
Tại ngày 01/01/2020	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	-	95.961.582.414	4.425.350.567	465.566.255.217
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	62.782.633.541	(312.749.178)	62.469.884.363
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	62.782.633.541	(312.749.178)	62.469.884.363
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(54.908.239.234)	(708.403.143)	(55.616.642.377)
- Chia cổ tức (bằng tiền)	-	-	-	-	(54.915.193.500)	-	(54.915.193.500)
- Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích CEKKK phát sinh trong kỳ	-	-	-	-	6.994.266	(708.403.143)	(701.448.877)
Tại ngày 30/09/2020	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	-	103.835.976.721	3.404.198.246	472.419.497.203

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2020



*(Handwritten signature)*

**TRẦN KHÔI NGUYỄN**

**NGUYỄN THỊ THANH HẰNG**

**ĐỖ TIÊN DŨNG**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ